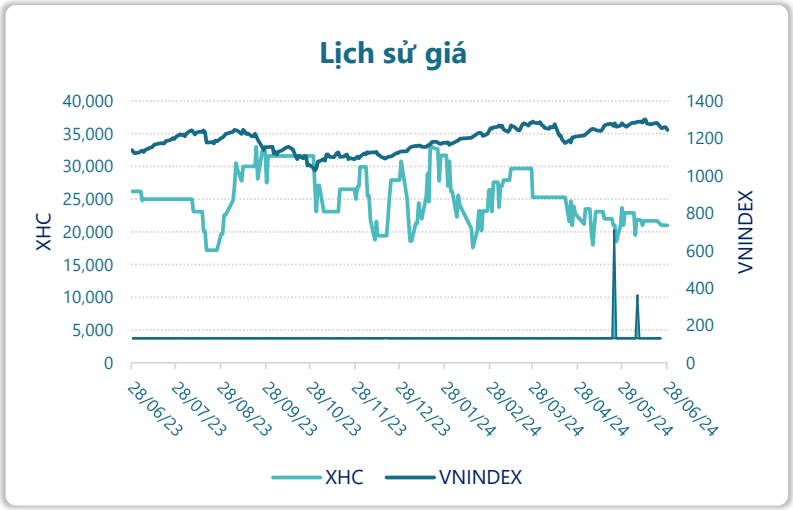
FireAnt

CTCP Xuân Hòa Việt Nam (UPCOM: XHC)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,200
SL cổ phiếu LH	21,086,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	220
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	443
P/E	7.9
EPS	2,667

DT thuần

Q2/24

173

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 63.0| 57.1%

YoY: ▲ 10.0| 6.0%

LN sau thuế

Q2/24

51.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 50.7| 14459%

YoY: ▲ 17.9| 54.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

33.0%

+/- YoY: ▲ 9.0%

DT thuần

6T 2024

283

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -5.9%

LN sau thuế

6T 2024

51.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0| 54.0%

ROE

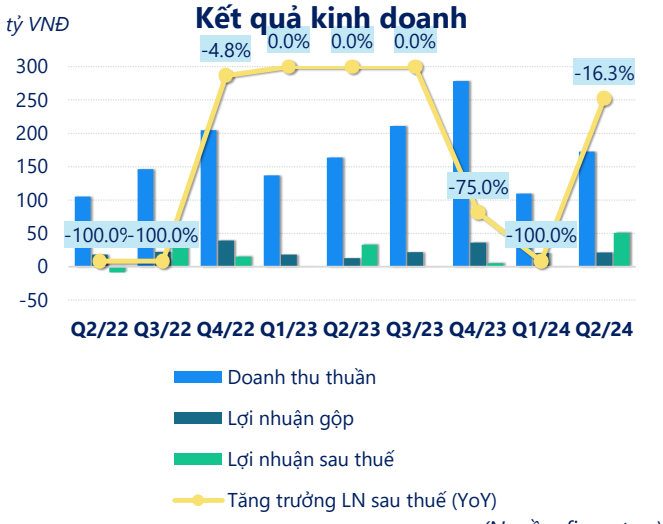
Q2/24

16.7%

+/- YoY: ▼ 12.2%

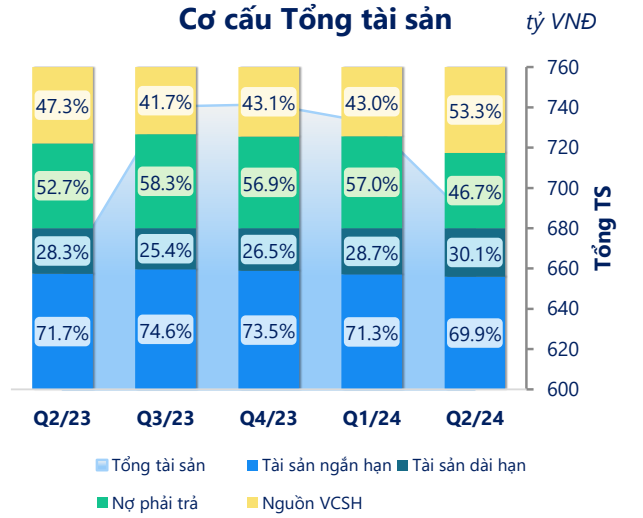
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



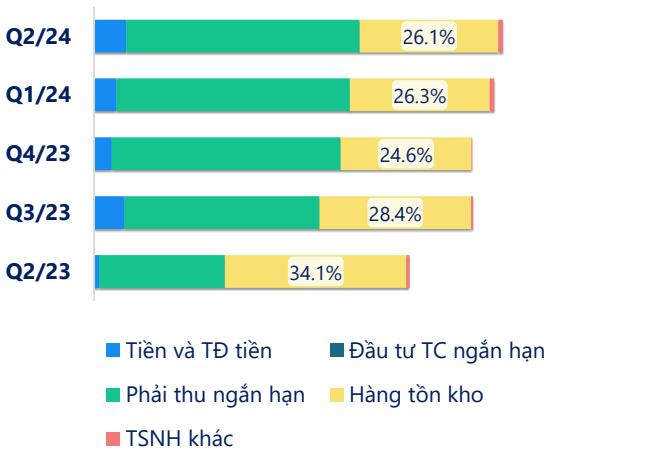
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



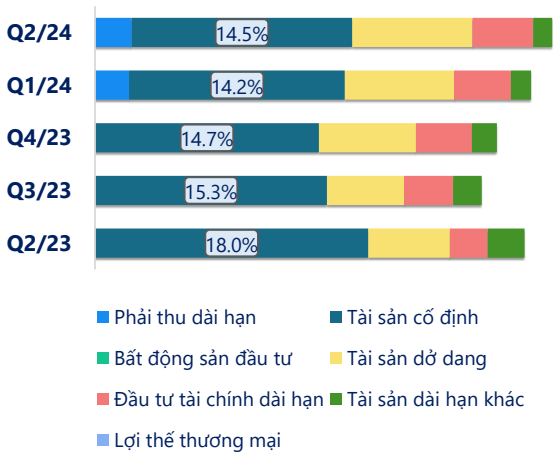
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



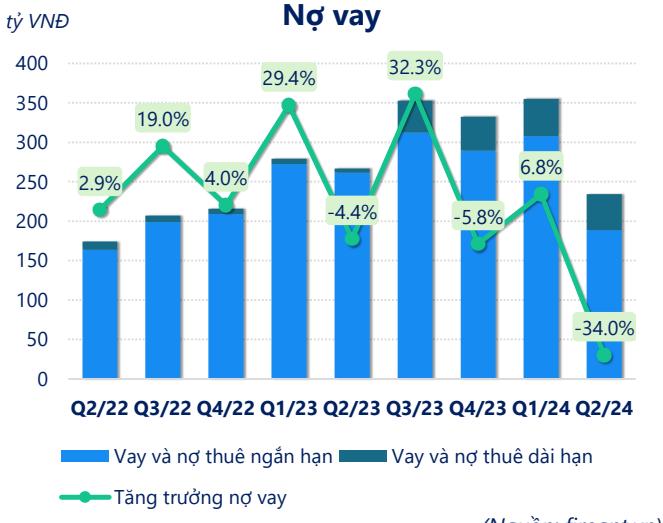
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



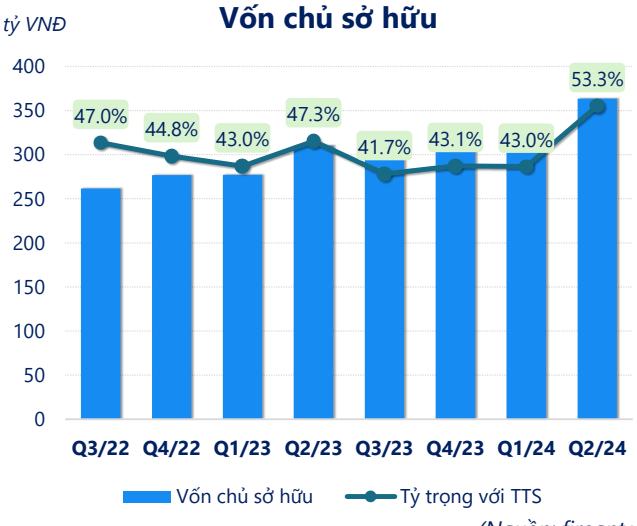
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



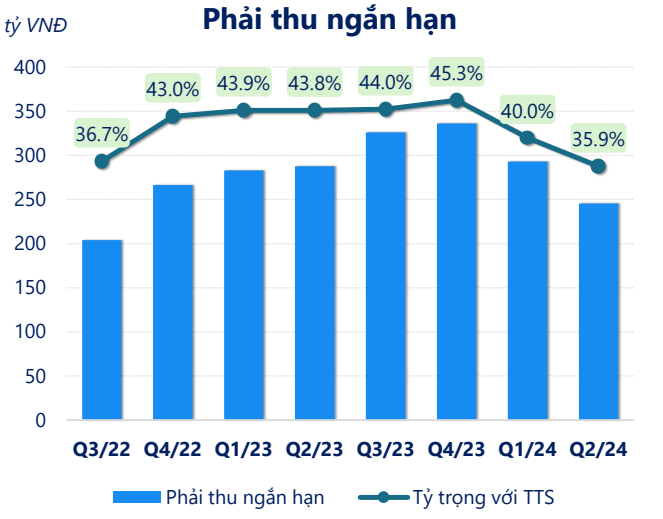
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



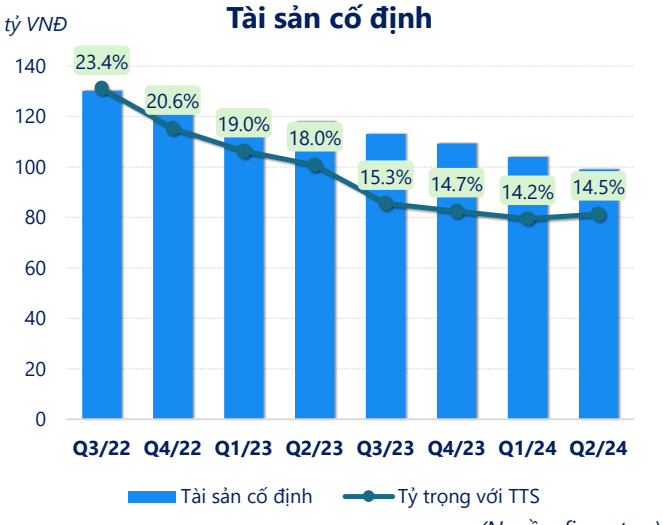
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



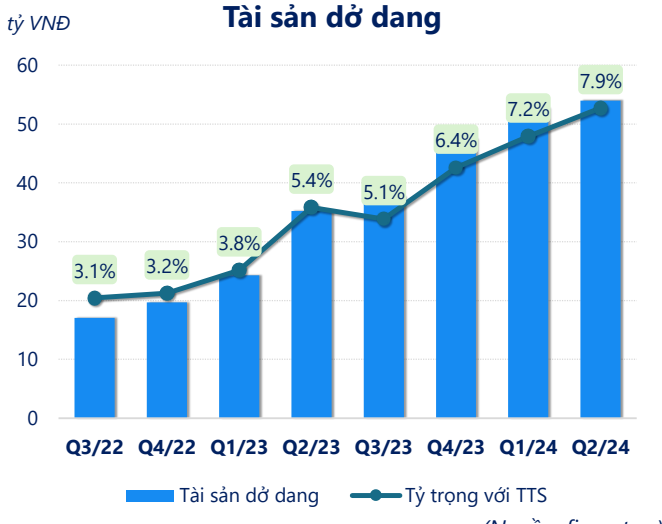
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



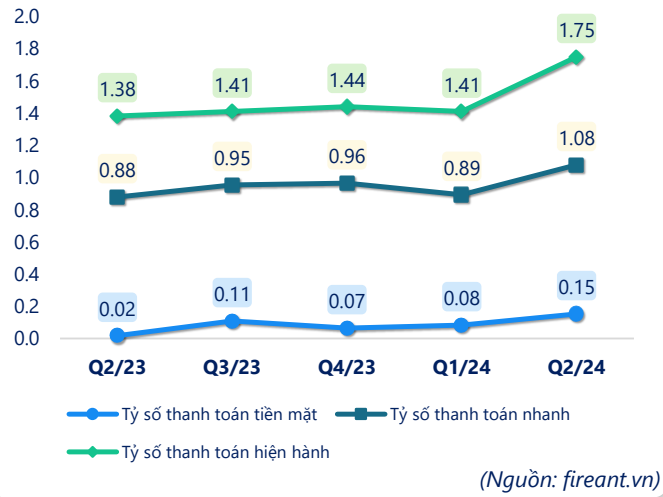
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



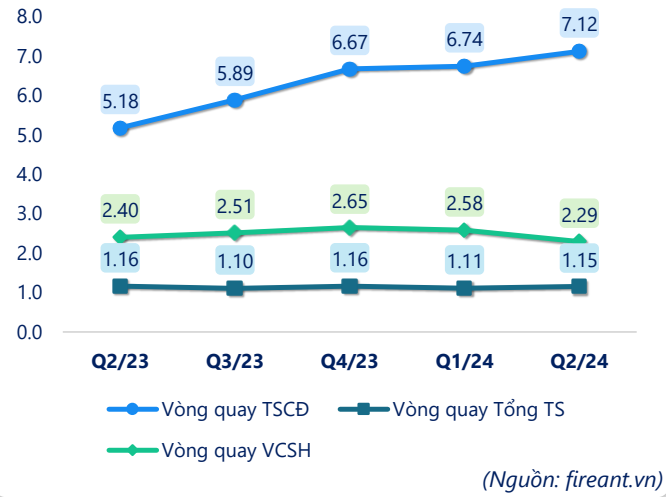
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**656**	**740**	**741**	**732**	**682**
Tài sản ngắn hạn	**470**	**552**	**545**	**522**	**477**
Tiền và tương đương tiền	5.97	42.6	24.7	31.0	41.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	287	326	336	293	245
Hàng tồn kho	171	178	180	191	183
Tài sản ngắn hạn khác	5.52	4.96	4.79	6.72	7.19
Tài sản dài hạn	**185**	**188**	**196**	**210**	**205**
Phải thu dài hạn	0	0	0	16.5	16.5
Tài sản cố định	118	113	109	104	99.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	35.2	37.6	47.4	52.6	54.0
Đầu tư tài chính dài hạn	16.3	23.9	27.3	27.3	27.3
Tài sản dài hạn khác	15.9	13.8	12.2	9.84	8.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**345**	**432**	**422**	**418**	**319**
Nợ ngắn hạn	**340**	**391**	**379**	**370**	**273**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	261	313	289	308	189
Phải trả người bán ngắn hạn	49.0	49.3	34.3	37.0	54.1
Nợ dài hạn	5.19	40.1	43.1	47.3	46.0
Vay và nợ thuê dài hạn	5.19	40.1	43.1	47.3	46.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**310**	**309**	**320**	**315**	**364**
Vốn chủ sở hữu	**310**	**309**	**320**	**315**	**364**
Vốn điều lệ	211	211	211	211	211
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)